

Hà Giang, ngày 07 tháng 8 năm 2016

KẾT QUẢ THI TAY NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG, HỘ SINH, KTV NĂM 2016

TT	Họ và tên	Khoa	Thực hành								Lý thuyết							
			Giỏi		Khá		TB		kém		Giỏi		Khá		TB		kém	
			Điểm thực	làm tròn	Điểm thực	làm tròn	Điểm thực	làm tròn	Điểm thực	làm tròn	Điểm thực	làm tròn	Điểm thực	làm tròn	Điểm thực	làm tròn	Điểm thực	làm tròn
1	Đỗ Thiên Điệp	HH-TM			8										5,1			
2	Lương Thị Thảo Khuyên	HH-TM			8										5			
3	Lê Thu Trang	HH-TM			8										5,2			
4	Nguyễn Văn Toàn	Xét nghiệm			7								7,5					
5	Lê Hữu Tú	Xét nghiệm	9														3,6	
6	Phùng Thị Phương	TDCN			7,4								8,2					
7	Phạm Thị Toan	TDCN			8,8	9					9,9	10						
8	Bùi Thị Xuyên	Vi sinh	9														4,8	5
9	Trần Thị Hiền	GPB			7,7	8									5,2			
10	Nguyễn Thị Nhung	Dược					6,5						7,8	8				
11	Phùng Thị Dung	Dược			8,6								7,2					
12	Xuân Thế Dư	CĐHA			7,5								7,6					
13	Đỗ Trung Dũng	CĐHA					6,2						7,5					
14	Tào Quốc Huy	CĐHA					5										1,3	
15	Đỗ Hồng Phong	CĐHA			8,1								7,2					
16	Lệnh Văn Hậu	CĐHA			7,1												4,5	
17	Lục Văn Nguyên	CĐHA			7										6,5			

17	Lục Văn Nguyên	CĐHA			7									6,5			
18	Phan Khương Duy	CĐHA					5,7	6						5,1			
19	Đinh Xuân Hạnh	CĐHA							3,9	4				5			
20	Nguyễn Văn Khanh	CĐHA					6,3							6,2			
21	Đỗ Thị Mai Hương	CĐHA					5						8				
22	Nguyễn Thị Phương	Mắt			7,1								7,8	8			
23	Tạ Minh Hoàn	Mắt	9										7,5				
24	Nông Thị Bích	Mắt					5,8	6						5			
25	Nguyễn Thị Tươi	Tai mũi họng			8,5						9,2						
26	Nguyễn T Hương Lan	Tai mũi họng			8,6								8,8	9			
27	Đặng Hữu Chinh	Tai mũi họng			7								7				
28	Nguyễn Quyết Tiến	Tai mũi họng			7									6,9	7		
29	Lương Văn Hiệp	Răng hàm mặt			8,3									6,4			
30	Đỗ Tân Điệp	Răng hàm mặt			7								8				
31	Nguyễn Thị Niềm	Răng hàm mặt			7,1								8				
32	Nguyễn Thị Loan	YHCT					6,1						7,3				
33	Tô Thị Thu Trang	YHCT					6,5				9,8	10					
34	Ninh Thị Hường	YHCT					6,7	7					7,2				
35	Chu Thị Hương	YHCT			7								8				
36	Vũ Xuân Phúc	YHCT					5,5						7,5				
37	Nguyễn Thị Dậu	CT-CH			7,5								7,9	8			
38	Nguyễn Duy Hoàng	CT-CH			7,1								7,5				
39	Hoàng Thị Huyền	CT-CH					6,5						7,5				

40	Vũ Duy Tùng	CT-CH				6						7,7	8				
41	Nguyễn Thành Long	CT-CH				6,1						7,1					
42	Đinh Thị Nhung	Điều trị TN		7								8,9	9				
43	Trần Phương Kính	Điều trị TN		7						9,5							
44	Nguyễn Thị Chinh	Điều trị TN		7,1										6,5			
45	Phạm T Phương Lan	Điều trị TN				5,5						7,2					
46	Phan Thị Hồng Vân	Điều trị TN		7,6								8					
47	Nguyễn Thị Tám	Da liễu		8								7,4					
48	Phạm Minh Hải	Ung bướu				5,5								5			
49	Quan Thị Vên	Ung bướu		7										5,6			
50	Nguyễn Thị Hằng	Ngoại TH		7								7,5					
51	Nguyễn Thị Hải Lý	Ngoại TH		7,5													
52	Nguyễn Tùng Anh	Ngoại TH				6,9	7					7,5					
53	Nguyễn Tuyết Lan	Ngoại TH				6								6,1			
54	Đỗ Minh Chiến	Lão khoa		7,7	8							7,6					
55	Nghiêm Thị Thúy	Lão khoa		8								7,4					
56	Dương Thị Huệ	Lão khoa		7,3								8					
57	Nguyễn Văn Tước	Lão khoa		8,1								7					
58	Nguyễn Hoàng Anh	Lão khoa				6,5								5			
59	Đỗ Thị Lan Hương	Nhi		7										5			
60	Lý Thị Thu Trang	Nhi				6,4								5			
61	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nhi		8,5										6			
62	Nguyễn Thị Nguyên	Nhi		7,3								7					
63	Vũ Anh Tuyền	Nhi		7,2										5			
64	Nguyễn Thị Hợp	Nhi		7								7,5					
65	Ngô Vinh Quang	Nhi		7												4,5	
66	Trần Thu Hà	Nhi		7								7,3					

67	Trần Công Tuấn	Nhi			7,3									6,4			
68	Nguyễn Đình Quyết	Nhi			7,4							8					
69	Nguyễn Tuyết Nhung	PTGMHS					6,5					7,5					
70	Phùng Thu Diệp	PTGMHS			7,5							7,5					
71	Hoàng Thị Thúy	PTGMHS					6					7,5					
72	Đinh Thị Nguyệt	PTGMHS					6,5							6			
73	Trần Thanh Tuấn	PTGMHS					6,5					7					
74	Nguyễn Thị Thu Hà	PTGMHS					6					7					
75	Nguyễn Thế Hưng	PTGMHS			7									5,3			
76	Phan Thị Nga	PTGMHS			7									6			
77	Nguyễn Thị Hiền	PTGMHS					6							6,4			
78	Nguyễn Thị Tuyết	A10			7							7,6					
79	Đỗ Thị Minh Nguyệt	KSNK					6,6							6,9	7		
80	Hoàng Thị Ly	KSNK			7,6							7					
81	Là Thị Nhanh	KSNK			7,6									6			
82	Hứa Thị Giang	KSNK			7,5											4,7	5
83	Ma Văn Huy	KSNK			7,5									5			
84	Trần Trường Anh	KSNK			7,7	8								6			
85	Bùi Thị Mai	KSNK			7,7	8										4,9	5
86	Hoàng Ngọc Dương	KSNK			7,3									5			
87	Đặng Thị Ngân	Sản					6				9,5						
88	Đỗ Thị Bích Việt	Sản					5,5							6,7	7		
89	Hoàng Thị Giang	Sản					6							6,8	7		
90	Nguyễn Thị Nhi	Sản					5,5					7,5					
91	Nguyễn Thị Liên	Sản					5					7,6					
92	Hà Thị Thanh Thủy	Sản					5,5					7					
93	Nguyễn Thị Thập	Sản			7						9,5						

94	Hoàng Thị Nhó	Sản					5,5									4	
95	Phùng Thị Duyên	Sản					5							5,6			
96	Hoàng Thị Dân	HSTC&CĐ			7,7	8								6,9	7		
97	Mai Thị Oanh	HSTC&CĐ			8									6,5			
98	Trần Thanh Hương	HSTC&CĐ			8,7	9						8,5					
99	Nguyễn Hồng Vân	HSTC&CĐ			8,1												
100	Vương Tiến Văn	HSTC&CĐ			8,1									5			
101	Trần Quyết Thắng	HSTC&CĐ			8											4,7	5
102	Nguyễn Xuân Điền	HSTC&CĐ			8,6									5,4			
103	Trần Thị Lý	Truyền nhiệm			8							7,3					
104	Nguyễn Thị Vân Anh	Truyền nhiệm					6,7	7				7,1					
105	Nguyễn Thị Kim Vân	Truyền nhiệm			7,6												
106	Trần Viễn Dương	Cấp cứu			8,6									6,9	7		
107	Lục Thị Hạnh	Cấp cứu			8,2							8					
108	Nguyễn Thị Ngọc	Cấp cứu			8,6							8					
109	Ly Thị Chùm	PHCN			7							7,5					
110	Vũ Thị Tiên	PHCN			8,3									6,8	7		
111	Bùi Tuyết Trinh	PHCN	9									7,9	8				
112	Bùi Thị Viết	PHCN			7,2									5			
113	Lục Thị Thu Hằng	Tim mạch – Nội tiết			7						9,5						
114	Hoàng Thị Ngọc Diệp	Tim mạch – Nội tiết					6,7	7						5,1			
115	Lò Thị Hương	Tim mạch – Nội tiết					6,5							6,5			
116	Đặng Thị Sao Mai	Tim mạch – Nội tiết			7,3						9,8	10					
117	Hoàng Thị Mai Sim	Tim mạch –			7,6									6,1			

118	Nguyễn Thị Liên	Nội tổng hợp				6,1						7					
119	Đàm Thị Thắm	Nội tổng hợp				6,7	7						6				
120	Trương Thị Lý	Nội tổng hợp			7,4							7,5					
121	Nguyễn Thị Thảo	Nội tổng hợp			7								6,8	7			
122	Nguyễn Thùy Linh	Nội tổng hợp				5,8	6						6				
123	Nguyễn Hồng Minh	Nội tổng hợp			7,8	8						7,1					
124	Hoàng Thu Trang	Kkham bệnh				5										4,5	
125	Lã Ngọc Trang	Khám bệnh				5,5				10							
126	Nguyễn Thị Hương	Khám bệnh				6,55						7					
127	Bùi Thị Thảo	Khám bệnh				6,8	7					7,8	8				
128	Phùng T Hồng Hạnh	Khám bệnh				5,13						8,3					
129	Phạm Thị Hồng	Khám bệnh				5,08							5,5				
130	Ma Thị Mễ	Khám bệnh				6,45							5,7	6			
131	Phạm Thị Hạnh	Khám bệnh			8,45								6,4				
132	Mai Ngọc Nhị	Khám bệnh				5,18							6,1				
133	Phạm Thị Dương	Khám bệnh			8,15							8,5					
134	Chu Bích Diệp	Khám bệnh			7,15												
135	Nguyễn Thúy Linh	Khám bệnh			8,05												
	Tổng số																

1. Điểm thi thực hành: 135 thí sinh.

Giỏi : 06 = 4,44 %;

Khá : 85 = 62,96 %;

Trung bình : 43 = 31,85 %;

Kém : 01 = 0,74 %,

2. Điểm thi lý thuyết: 130 thí sinh.

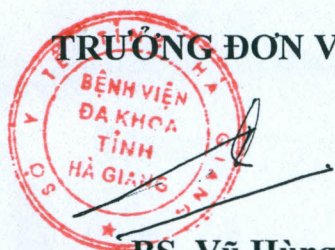
Giỏi : 11 = 8,46 %;

Khá : 68 = 34.62 %;

Trung bình : 45 = 35,38 %;

Kém : 06 = 4.62 %.

Chi chú: Ban tổ chức cuộc thi thống nhất: Điểm thi năm 2016, các điểm có số cuối là 7 làm tròn số (VD: 4,7 làm tròn số là 5,0).



TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

BS. Vũ Hùng Vương
Phó giám đốc Bệnh viện

TP. ĐIỀU DƯỠNG

Đặng Đức Cường

NGƯỜI TỔNG HỢP

Nguyễn Thùy Ninh

Nơi nhận:

- Website Bệnh viện;
- Lưu: PĐD.